

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 52/2007/QĐ-TTg

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Chế độ báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Vốn đầu tư nhà nước quy định tại Quyết định này gồm: vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước; vốn công trái; vốn trái phiếu Chính phủ; vốn tín dụng đầu tư phát triển nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị sử dụng vốn đầu tư nhà nước báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước theo quy định của Quyết định này.

Điều 2. Báo cáo kết quả phân bổ vốn đầu tư nhà nước hàng năm

1. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức khác sử dụng vốn đầu tư nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này báo cáo: kết quả phân bổ vốn đầu tư nhà nước theo ngành, lĩnh vực, chương trình và dự án cụ thể; vốn dùng để thanh toán nợ khối lượng xây dựng cơ bản; vốn dùng để hoàn trả các khoản tạm ứng và ứng trước cho đầu tư phát triển; thuyết minh cụ thể về phương án phân bổ vốn đầu tư nhà nước kèm theo các văn bản phê duyệt kế hoạch phân bổ.

2. Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo:

a) Vốn điều lệ của Ngân hàng đến thời điểm báo cáo.

b) Kế hoạch huy động vốn hàng năm.

c) Kế hoạch tín dụng đầu tư nhà nước, tín dụng xuất khẩu, bao gồm: cho vay đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo ngành, lĩnh vực, chương trình và dự án.

d) Kế hoạch bù lãi suất tín dụng đầu tư.

3. Bộ Tài chính báo cáo: tình hình đăng ký kế hoạch để cấp phát vốn đầu tư thuộc nguồn ngân sách nhà nước, công trái và trái phiếu Chính phủ; kết quả thu hồi các khoản tạm ứng và chi ứng trước cho đầu tư phát triển.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, báo cáo tổng hợp kết quả phân bổ vốn hàng năm, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

Điều 3. Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước

1. Báo cáo tháng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư theo nguồn vốn của các dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo kết quả thực hiện và giải ngân vốn tín dụng đầu tư nhà nước trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo.

c) Bộ Tài chính báo cáo tình hình: giải ngân vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước, vốn công trái, vốn trái phiếu Chính phủ, vốn vay và vốn viện trợ của nước ngoài; sử dụng dự phòng ngân sách trung ương và Quỹ dự trữ tài chính của Trung ương; tạm ứng và chi ứng trước cho đầu tư phát triển trong tháng báo cáo và lũy kế đến tháng báo cáo.

d) Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp các báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản này, báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch vốn đầu tư nhà nước hàng tháng và lũy kế đến tháng báo cáo, trong đó nêu rõ những tồn tại, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

2. Báo cáo quý và 6 tháng:

a) Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức khác quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này báo cáo:

- Kết quả thực hiện kế hoạch đầu tư theo từng nguồn vốn;
- Đối với dự án quan trọng quốc gia và dự án nhóm A: chi tiết khối lượng thực hiện, kết quả giải ngân vốn đầu tư nhà nước của từng dự án; riêng báo cáo 6 tháng và quý III phải có ước thực hiện so với kế hoạch năm;
- Tổng hợp khối lượng thực hiện, kết quả giải ngân vốn đầu tư nhà nước của các dự án nhóm B và C;
- Những tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân và đề xuất các giải pháp xử lý.

b) Ngân hàng Phát triển Việt Nam báo cáo:

- Tình hình huy động vốn;
- Vốn điều lệ của Ngân hàng tại thời điểm báo cáo;
- Tổng hợp khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước, vốn tín dụng xuất khẩu;
- Chi tiết khối lượng thực hiện và kết quả giải ngân nguồn vốn tín dụng đầu tư nhà nước của các dự án quan trọng quốc gia và các dự án nhóm A.